

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 464/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Thìn.

Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Hà- Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh ngày 10/5/1978.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện A, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh ngày 11/10/1979.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Ông T, bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13/5/2020 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với Bà Vũ Thị L ngày 04/01/2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sinh sống cùng gia đình ông tại thôn T, xã N, huyện A, Hà Nội, được một thời gian ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không phù hợp nhau, bất đồng quan điểm. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn bà L.

- Về con chung: Ông và bà L sinh được 02 con chung là: Trần Minh Q, sinh ngày 26/10/2005 và Trần Thùy T, sinh ngày 15/10/2008.

Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Bà Vũ Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông Trần Văn T ngày 04/01/2005 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống cùng gia đình ông T tại thôn T, xã N, huyện A, Hà Nội được một thời gian ngắn thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T chơi bời, cờ bạc. Nay ông T xin ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì các con.

- Về con chung: Bà và ông T sinh được 02 con chung là: Trần Minh Q, sinh ngày 26/10/2005, Trần Thùy T, sinh ngày 15/10/2008.

Ly hôn, bà nhất trí để ông T trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà L. Bà L đồng ý ly hôn vì xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông T.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc xin ly hôn bà L. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T với bà L.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các bên: bà L trực tiếp nuôi 02 con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét vì các bên không yêu cầu.

Vụ án thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thẩm quyền:* Cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện A, Hà Nội. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội.

{2} *Về nội dung:*

{2.1} *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Trần Văn T kết hôn với Bà Vũ Thị L ngày 04/01/2005 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống được thời gian ngắn thì vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xuyên to tiếng cãi nhau, nguyên nhân do bất

đồng quan điểm, ông T thiếu trách nhiệm với vợ, con. Vợ chồng ông bà đã ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn, bà L không đồng ý ly hôn vì các con.

Tại phiên tòa, Ông T và bà L thuận tình ly hôn. Sự thuận tình này phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

{3.2} *Về con chung*: Ông T và bà L sinh được 02 con chung là: Trần Minh Q, sinh ngày 26/10/2005, Trần Thùy T, sinh ngày 15/10/2008. Cả hai cháu đang ở với bà L và đều có nguyện vọng được ở với mẹ

Tại phiên tòa, ông T và bà L thỏa thuận: bà L trực tiếp nuôi cả hai con chung, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8/2020. Hiện ông T đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn DAIWA PLASTICS Thăng Long, thu nhập bình quân 9.000.000 đồng/tháng. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

{3.3} *Về tài sản chung, nợ chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{4} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc xin ly hôn Bà Vũ Thị L.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn T và Bà Vũ Thị L.

2. Về con chung: Ông Trần Văn T và Bà Vũ Thị L sinh được 02 con chung là: Trần Minh Q, sinh ngày 26/10/2005, Trần Thùy T, sinh ngày 15/10/2008.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Văn T và Bà Vũ Thị L: Bà Vũ Thị L trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Trần Minh Q, sinh ngày 26/10/2005, Trần Thùy T, sinh ngày 15/10/2008. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con chung của ông, bà thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Ông Trần Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn T và Bà Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) ông T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2018/0016258 ngày 02/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Ông T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Án xử công khai sơ thẩm, ông T, bà L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện A.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã N.
- (GCN kết hôn số: 03/2005 ngày 04/01/2005).
- Chi cục THADS huyện A.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân

